|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ  **TỔ: SINH HỌC - KTCN** | **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC: 2021 – 2022**  **Môn: SINH HỌC – Khối lớp 12**  **Thời gian làm bài: 45 phút** |

**HÌNH THỨC KIỂM TRA: 100% TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**

| **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | **CÁC MỨC ĐỘ KIẾN THỨC** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết (40%)** | **Thông hiểu (30%)** | **Vận dụng thấp (20%)** | **Vận dụng cao (10%)** | **Tổng Cộng** |
| **Sự phát sinh và phát triển của sự sống trên Trái Đất** | - Nêu được thứ tự của các giai đoạn phát sinh sự sống trên Trái Đất.  - Nêu được khái niệm hóa thạch. | - Hiểu được vai trò của hóa thạch.  - Hiểu được sinh vật điển hình trong kỉ Đệ Tam, kỉ Jura, kỉ Tam điệp. |  |  |  |
| **Số câu** | 2 | 3 |  |  | **5** |
| **Điểm** | 0,625 | 0,9375 |  |  | **1,5625** |
| **Môi trường sống và các nhân tố sinh thái** | - Nêu được khái niệm: môi trường, nhân tố sinh thái, giới hạn sinh thái, ổ sinh thái.  - Liệt kê các loại môi trường chủ yếu của sinh vật. | - Hiểu được đâu là nhân tố sinh thái vô sinh; hữu sinh. | - Vận dụng xác định được các ví dụ về giới hạn sinh thái, ổ sinh thái. | - Nhận định được các phát biểu đúng về nhân tố sinh thái. |  |
| **Số câu** | 3 | 2 | 1 | 1 | **7** |
| **Điểm** | 0,9375 | 0,625 | 0,3125 | 0,3125 | **2,1875** |
| **Quần thể sinh vật và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể** | - Nhận biết được quần thể sinh vật.  - Nhận biết được ví của quan hệ hỗ trợ, qua hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể. | - Hiểu được đặc điểm của quan hệ hỗ trợ, qua hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể. | - Vận dụng xác định được ý nghĩa của quan hệ hỗ trợ , quan hệ cạnh tranh giữa các cá thể trong quần thể. | - Vận dụng để xác định được các nhận định đúng, sai về quần thể và mối quan hệ giữa các cá thể trong quần thể. |  |
| **Số câu** | 3 | 1 | 2 | 1 | **7** |
| **Điểm** | 0,9375 | 0,3125 | 0,625 | 0,3125 | **2,8125** |
| **Các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật** | - Liệt kê được các đặc trưng cơ bản của quần thể  - Nêu được ý nghĩa, ứng dụng của tỉ lệ giới tính, tháp tuổi.  - Nêu được khái niệm mật độ, kích thước của quần thể.  - Nêu được khái niệm kích thước tối thiểu và kích thước tối đa. | - Phân biệt được các kiểu phân bố cá thể trong quần thể.  - Hiểu được ý nghĩa, ứng dụng của mật độ cá thể.  - Hiểu được các nhân tố ảnh hưởng đến kích thước của quần thể sinh vật. | - Vận dụng xác định được mức sinh sản, mức tử vong của quần thể phụ thuộc vào yếu tố nào.  - Vận dụng xác định được tăng trưởng của quần thể trong điều kiện môi trường không bị giới hạn và điều kiện môi trường bị giới hạn (điều kiện môi trường, đường cong tăng trưởng, đối tượng sinh vật...). | - Vận dụng để xác định được các nhận định đúng, sai về các đặc trưng cơ bản của quần thể sinh vật. |  |
| **Số câu** | 5 | 4 | 3 | 1 | **13** |
| **Điểm** | 1,5625 | 1,25 | 0,9375 | 0,3125 | **4,0625** |
| **Tổng số câu** | **13** | **10** | **6** | **3** | **32** |
| **Tổng điểm** | **4,0625** | **3,125** | **1,875** | **0,9375** | **10** |